

Bản án số: 05/2023/HS-ST
Ngày 13-01-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ái;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Khanh và Vương Tấn Độ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chiêm Tiên Quý Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 249/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 414/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu T, sinh năm 1981, tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà số 133/15, đường G D, phường T Q, quận T P, Thành phố Hồ Chí Minh (đã bán nhà từ năm 2017); nơi ở: Nhà số 480/13/4B, đường M L, phường B H H A, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đ và bà Trương Thị T; có vợ và 01 con, sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 16-9-2022, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xử phạt 15 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Hữu T pH chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 18 (mười tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 18-10-2018 (theo bản án hình sự sơ thẩm số: 57/2022/HS-ST và hiện nay bị cáo đang chấp hành hình phạt tù của bản án này theo Quyết định Thi hành án hình phạt tù số: 161/2022/QĐ-CA, ngày 31-10-2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam) “có mặt”.

*Bị hại: Ông Đới Văn G, sinh năm: 1963. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Nhà số 2/23, khu phố B Đ 1, phường B H, thành phố T A, tỉnh B D “xin vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 02 năm 2015, anh Đới Văn D đi nghĩa vụ Công an tại Tiểu đoàn 1-Trung đoàn 2-Bộ tư lệnh Cảnh sát cơ động, đóng quân tại Khu công nghiệp Vsip 1, tỉnh Bình Dương và hết hạn nghĩa vụ vào tháng 02/2018. Đến tháng 6/2017, anh D chuẩn bị thi tuyển vào trường công an và muốn thi đỗ nên cha của anh D là ông Đới Văn G đến gặp thông gia là ông Nguyễn Văn T1 để nhờ giúp đỡ thì ông T1

đồng ý và giới thiệu cho Nguyễn Hữu T. Khi đó, T thống nhất sẽ giúp anh D thi đỗ vào Trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân II với giá 350.000.000 đồng nhưng phải đưa trước 200.000.000 đồng để lo chi phí. Đến ngày 17/7/2017, ông G đi cùng với anh Nguyễn Thành N (con rể của ông G và là con ruột của ông T1) đến nhà của T tại số 480/13/4B, đường M L, phường B H H A, quận B T đưa các loại giấy tờ của anh D cho T để làm hồ sơ thi tuyển, gồm: Bản sao học bạ, giấy xuất ngũ, sổ hộ khẩu và sổ đoàn; cùng lúc này, ông G đưa cho T số tiền 200.000.000 đồng thì T viết giấy “Biên nhận” tiền giao cho ông G rồi nói khi có “Giấy báo nhập học” sẽ đưa tiếp 150.000.000 đồng còn lại. Đến đầu tháng 10/2017, T đi cùng với ông T1 đến nhà của ông G tại số 2/2D, khu phố B Đ III, phường B H, thị xã T A, tỉnh B D giao “Giấy báo nhập học” của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân II có chữ ký của hiệu trưởng tên NGND, Thiếu tướng, PGS, TS Vũ Đức K”, đề ngày 27/9/2017” cho ông G và nhận tiếp số tiền 150.000.000 đồng như đã thỏa thuận trước (theo Kết luận giám định số: 1881/KLGD-TT, ngày 08/10/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: “Giấy báo nhập học” là giả và Công văn số: 883/T10-CT, ngày 07/8/2020 của Trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân II, trả lời “Trong năm 2017, không ký giấy báo nhập học nào đối với Đới Văn D”). Sau đó, T lại viện cớ là còn phải lo cho công việc nên yêu cầu ông G đưa thêm 70.000.000 đồng nữa; do thấy T làm được việc nên ông G đồng ý và đưa số tiền này cho con là chị Đới Thị Tuyết M chuyển khoản cho T (do quá lâu nên chị M không còn nhớ số tài khoản của T). Đến ngày 10/11/2017, ông G gọi điện thoại cho T hỏi việc nhập học của anh D thì T hứa sẽ sắp xếp cho anh D đi học rồi khóa máy điện thoại di động để phía ông G không còn liên lạc được với T nữa. Khi đó, do ông G nghi ngờ giấy báo nhập học này là giả nên không đưa anh D đi nhập học; đồng thời, ông G cũng không trình báo cho công an vì chỗ ông T1 (người giới thiệu cho T) là thông gia với ông G nên không muốn làm lớn chuyện. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra vụ án Nguyễn Hữu T về các hành vi tương tự như đã nêu trên thì vào ngày 17/3/2020, Cơ quan điều tra-Công an tỉnh Quảng Nam tiếp nhận “Đơn trình bày” của ông T1 có nội dung tố cáo T về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông G. Qua thông tin đó, xét do vụ việc xảy ra trên địa bàn quận Bình Tân nên ngày 17/6/2020, Cơ quan điều tra-Công an tỉnh Quảng Nam đã chuyển đơn này cho Cơ quan điều tra-Công an quận Bình Tân thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Sau khi Cơ quan điều tra-Công an quận Bình Tân đã củng cố hồ sơ, ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can T thì: Ngày 11/3/2021, có Công văn số: 1316/ĐCSKT và ngày 18/4/2022, tiếp tục có Công văn số: 1259/ĐCSKT gửi Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam và Cơ quan điều tra-Công an tỉnh Quảng Nam đề nghị nhập vụ án để đảm bảo theo hướng có lợi cho bị can T. Tuy nhiên vào ngày 31/3/2021, Cơ quan điều tra-Công an tỉnh Quảng Nam đã có Công văn số: 256/VPCQCSĐT, trả lời “do thời hạn điều tra còn lại rất ít, nếu nhập vụ án không đảm bảo điều kiện về mặt thời gian để điều tra nên đề nghị Cơ quan điều tra-Công an quận Bình Tân thụ lý giải quyết theo thẩm quyền”. Đến ngày 20/5/2022, Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân đã có Công văn số: 95/CV-VKS, đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và Cơ quan

điều tra-Công an tỉnh Quang Nam nhập vụ án thụ lý giải quyết chung nhằm đảm bảo quyền lợi cho bị cáo T nhưng vẫn không được phản hồi.

Tại Cơ quan điều tra-Công an quận Bình Tân, Nguyễn Hữu T đã khai nhận hành vi như vừa mới nêu trên. Riêng về số tiền chiếm đoạt của ông Đới Văn G, tuy T khai số tiền đã thỏa thuận hứa giúp đỡ cho anh D (con ông G) thi đỗ vào Trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân II với giá 400.000.000 đồng và lần T lấy của ông G 150.000.000 đồng có chia cho ông T1 50.000.000 đồng. Nhưng qua đối chất giữa T và ông T1 thì: ông T1 không thừa nhận là có nhận số tiền 50.000.000 đồng của T trong số tiền 150.000.000 đồng mà ông G đã đưa cho T và chính T là người lấy toàn bộ số tiền này. Sau đó, tiếp tục tiến hành đối chất giữa ông T1 và ông G: Lời khai của ông T1 và ông G phù hợp nhau về số tiền mà ông G đã giao cho T là 350.000.000 đồng. Ngoài ra, T còn khai về nguồn gốc “Giấy báo nhập học” như sau: Do trước đây có quen biết với tên H (không rõ lai lịch) thông qua mạng xã hội, chuyên “Làm bằng vi tính, đại học, thi bao đậu...” nên T liên hệ với tên H nhờ giúp đỡ cho anh D thi đỗ vào Trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân II thì tên H nhận lời và đưa ra giá 300.000.000 đồng; T đồng ý và đã chuyển khoản cho tên này số tiền 300.000.000 đồng (do đã lâu và chỉ quen tên H qua mạng xã hội nên T không ghi lại số tài khoản của tên H). Đến khoảng đầu tháng 10/2017, T nhận được “Giấy báo nhập học” cho anh D do H gửi đến tận nhà T rồi T giao trực tiếp giấy này cho ông G để nhận tiền.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Hữu T đã khai nhận: Khi ông Nguyễn Văn T1 đưa ông Đới Văn G đến gặp bị cáo nhờ giúp đỡ cho con của ông G là anh Đới Văn D được thi đỗ vào trường công an thì, tuy bị cáo không có khả năng, nhưng do muốn chiếm được tiền của ông G nên bị cáo vẫn nhận lời giúp anh D thi đỗ vào Trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân II với giá 350.000.000 đồng nhưng phải đưa trước 200.000.000 đồng để lo chi phí. Sau đó, ông G đến nhà của bị cáo đưa các loại giấy tờ có liên quan đến hồ sơ dự thi của anh D và số tiền 200.000.000 đồng cho bị cáo thì bị cáo viết giấy “Biên nhận” tiền đưa cho ông G rồi nói khi nào có “Giấy báo nhập học” ông G phải đưa tiếp 150.000.000 đồng còn lại. Do trước đây bị cáo có quen biết với tên H (không rõ lai lịch) chuyên “Làm bằng vi tính, đại học, thi bao đậu...” thông qua mạng xã hội nên bị cáo liên hệ với tên H giúp cho anh D thi đỗ vào Trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân II thì tên H đồng ý và đưa ra giá 300.000.000 đồng; bị cáo đồng ý và đã chuyển khoản cho tên H số tiền 300.000.000 đồng (do đã lâu và chỉ quen tên H qua mạng xã hội nên bị cáo không ghi lại số tài khoản của tên H) thì vài ngày sau tên H gửi “Giấy báo nhập học” cho anh D đến tận nhà bị cáo. Có “Giấy báo nhập học”, bị cáo cùng với ông T1 đến giao cho ông G và đã nhận tiếp số tiền còn lại là 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, do thấy dễ lấy tiền của ông G nên bị cáo tiếp tục viện cớ là còn cần một số tiền nữa để lo cho công việc cho anh D nên yêu cầu ông G đưa thêm 70.000.000 đồng và bị cáo đã nhận số tiền này bằng chuyển khoản. Như vậy, bị cáo đã nhận tổng số tiền của ông G là 420.000.000 đồng; còn ông T1, không biết hay liên quan gì đến việc làm giả “Giấy báo nhập học” của bị cáo và đồng thời, bị cáo cũng không có chia cho ông T1 50.000.000 đồng như lời khai của bị cáo trước đây tại Cơ quan điều tra mà chính bị cáo là người hưởng trọn số tiền 420.000.000 đồng nên nay bị cáo thừa nhận chỉ có một mình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo

trạng đã truy tố. Bị cáo không có ý kiến gì về Kết luận giám định “Giấy báo nhập học” là giả; còn về trách nhiệm dân sự, bị cáo chấp nhận bồi thường thiệt hại cho ông G số tiền 420.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số: 114/CT-VKS, ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T ra trước Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử về các tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341; điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận có ý kiến: Do bị cáo Nguyễn Hữu T có ý định chiếm đoạt tiền của ông Đới Văn G từ trước nên dùng thủ đoạn gian dối bằng cách làm giả “Giấy báo nhập học” của Trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân II cho con của ông G là anh Đới Văn D để sử dụng vào việc chiếm đoạt số tiền 420.000.000 đồng của Giáp là “*Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng*”. Các hành vi của bị cáo là nguy hiểm lớn cho xã hội nên cần phải xử bị cáo với mức án thật nghiêm thì mới có đủ sức giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần được xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu. Do đó, giữ nguyên quyết định đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 55; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo với mức án từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và từ 12 năm đến 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt cho cả 02 tội với mức án từ 15 năm đến 17 năm tù; đồng thời tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 18 năm tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 57/2022/HS-ST, ngày 16-9-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho ông G số tiền 420.000.000 đồng. Về phần vật chứng, đề nghị lưu theo hồ sơ “Giấy báo nhập học” và giấy “Biên nhận” tiền.

Bị cáo không tranh luận và bào chữa gì về hành vi đã bị truy tố, còn lời nói sau cùng thì xin giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra-Công an quận Bình Tân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét qua các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo Nguyễn Hữu T tại phiên tòa hôm nay cho thấy: Mặc dù không có khả năng giúp đỡ gì được cho ai thi đỗ vào hệ thống trường công an nhân dân, nhưng khi ông Đới Văn G nhờ bị cáo giúp đỡ việc này cho con của ông là anh Đới Văn D, bị cáo vẫn nhận lời giúp anh D thi đỗ vào Trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân II với giá 350.000.000 đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối bằng cách, viện có phải đưa trước 200.000.000 đồng để lo chi phí và khi nào có “Giấy báo nhập học” sẽ đưa tiếp số tiền còn lại 150.000.000 đồng là có định chiếm đoạt tài sản của ông G từ trước. Sau đó, bị cáo đã nhận của ông G 200.000.000 đồng, cung cấp thông tin về nhân thân của anh D cho tên H (không rõ lai lịch) làm giả “Giấy báo nhập học” cho anh D mang đến giao ông G và nhận tiếp 150.000.000 đồng; chưa dừng lại, bị cáo còn tiếp tục viện có phải lo cho anh D một số công việc nữa nên yêu cầu ông G đưa thêm 70.000.000 đồng và bị cáo đã nhận được số tiền này bằng chuyển khoản thì bị phát hiện.

Theo Kết luận giám định số: 1881/KLGD-TT, ngày 08/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự-Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì: 01 (một) “Giấy báo nhập học” đề tên: TRƯỜNG CAO ĐẲNG CẢNH SÁT NHÂN DÂN II, đề ngày 27/09/2017, họ tên học viên: Đới Văn D (ký hiệu A), kết luận như sau: “Chữ ký mang tên Vũ Đức K trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký mang tên Vũ Đức K trên tài liệu dùng làm mẫu so sánh không do cùng một người ký ra. Hình dấu tròn có nội dung “BỘ CÔNG AN - CAO ĐẲNG CẢNH SÁT NHÂN DÂN II” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với hình dấu tròn của Trường Cao đẳng cảnh sát nhân dân II trên tài liệu dùng làm mẫu so sánh không do cùng một con dấu đóng ra”. Còn theo Công văn số: 883/T10-CT, ngày 07/8/2020 của Trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân II trả lời “Trong năm 2017, không ký giấy báo nhập học nào đối với Đới Văn D”.

[3] Như vậy, đã có đủ căn cứ để xác định bị cáo Nguyễn Hữu T thực hiện hành vi sử dụng “Giấy báo nhập học” của Trường Cao đẳng cảnh sát nhân dân II giả vào việc chiếm đoạt tài sản của ông G là số tiền 420.000.0000 đồng. Đồng thời, tuy hành vi của bị cáo đã xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 nhưng do điều khoản quy định về mức hình phạt của các tội danh này cùng với tình tiết giảm nhẹ được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015 so với điều khoản tương ứng của Bộ luật Hình sự năm 1999 thì có lợi cho bị cáo nên cần pH được áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội để giải quyết. Do đó, bị cáo đã phạm các tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341; điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay cơ bản phù hợp với lời khai trước đây tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng; biên bản nhận dạng, đối chất; kết luận giám định...nên đã đủ chứng cứ buộc tội bị cáo và mức án đề nghị của Kiểm sát viên vừa nêu trên là có cơ sở chấp nhận. Còn đối với ông Nguyễn Văn T1, tuy có hành vi giới thiệu cho ông Đới Văn G gặp bị cáo giúp đỡ cho anh Đới Văn D thi đỗ vào Trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân II

nhưng do, ông T1 không biết hay liên quan gì đến việc làm giả “Giấy báo nhập học” của bị cáo và đồng thời, bị cáo cũng không có chia cho ông T1 50.000.000 đồng mà chính bị cáo là người hưởng trọn số tiền 420.000.000 đồng nên ông T1 không là đồng phạm với bị cáo và bị xử lý là có căn cứ. Đối với tên H có hành vi như lời khai của bị cáo thì, do không rõ lai lịch nên Cơ quan điều tra còn đang tiếp tục truy xét cho đến khi nào phát hiện được sẽ xử lý sau.

[5] Xét hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức mà bị cáo đã thực hiện là xâm phạm đến trật tự quản lí hành chính của Nhà nước về lĩnh vực giấy tờ và tài liệu rồi sử dụng lừa dối người khác chiếm đoạt tài sản là trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng, đã gây mất trật tự trị an, tạo ra tâm lý bất an cho người dân; bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm có tiền để thỏa mãn nhu cầu cho cá nhân nên cần phải xử bị cáo với mức án thật nghiêm thì mới có đủ sức giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần được xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 341; khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì, “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*” ... “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*”. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cho cả 02 tội. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bản thân bị cáo không có điều kiện kinh tế nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 57/2022/HS-ST, ngày 16-9-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 15 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 18 (mười tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 18-10-2018. Xét, bị cáo đang chấp hành hình phạt tù của Bản án này theo Quyết định Thi hành án hình phạt tù số: 161/2022/QĐ-CA, ngày 31-10-2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam nên cần phải tổng hợp hình phạt chung của 02 bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Xét tại phiên tòa hôm nay, tuy bị hại là ông Đới Văn G đã có đơn xin vắng mặt nhưng theo các tài liệu có trong hồ sơ và nội dung đơn thì: Ông G yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông với số tiền 420.000.000 đồng và được bị cáo đồng ý là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[9] Về vật chứng: 01 “Giấy báo nhập học” và 01 giấy “Biên nhận” tiền của bị cáo dùng làm chứng cứ lưu theo hồ sơ vụ án nên không xét.

[10] Bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm các tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Về điều luật áp dụng và xử phạt: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 04 (bốn) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Hữu T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 16 (mười sáu) năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tổng hợp hình phạt 16 (mười sáu) năm tù của Bản án này với hình phạt 18 (mười tám) năm tù, theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 57/2022/HS-ST, ngày 16-9-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam; bị cáo Nguyễn Hữu T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 30 (ba mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18-10-2018.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; các điều 585, 586, 589, 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T bồi thường thiệt hại cho ông Đới Văn G số tiền 420.000.000 (bốn trăm hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày ông Đới Văn G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Nguyễn Hữu T chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm cho ông G tiền lãi theo mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được quy định tại các điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 20.800.000 (hai mươi triệu tám trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Hữu T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại ông Đới Văn G vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

(Đã giải thích quy định về quyền yêu cầu thi hành dân sự cho bị cáo)

Nơi nhân:

- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND QBT;
- CA QBT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ – Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Văn Ái